

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/DS-ST

Ngày: 03-01-2025

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Tường Vi

2. Ông Trần Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham
gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh
Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số
467/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “hợp đồng mua bán
tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 275a/2024/QĐXXST-DS ngày 28
tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2024/QĐST-DS ngày 16
tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1975; địa chỉ: 1 ấp Đ, xã T, huyện T,
tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Lê Thị Thùy T, sinh năm
1997; địa chỉ: ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Đặng Thị N, sinh năm 1968 và ông Hồ Văn Đ, sinh năm 1963;
cùng địa chỉ: số B ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 26/7/2024, bản khai ngày 28/11/2024 và trong quá
trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị L và người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị
Thùy T trình bày:*

Vào khoảng năm 2023, bà Đặng Thị N và ông Hồ Văn Đ có đến cửa hàng
thức ăn thủy sản của bà Lê Thị L mua thức ăn và thuốc thủy sản để nuôi tôm. Khi
mua bán hai bên thỏa thuận là bà Lê Thị L sẽ cung cấp thức ăn và thuốc thủy sản
cho bà Đặng Thị N và ông Hồ Văn Đ để nuôi tôm. Cuối vụ thu hoạch tôm thì bà
Đặng Thị N và ông Hồ Văn Đ phải có nghĩa vụ trả tiền thức ăn cho bà L. Đến ngày
10/6/2023, bà Đặng Thị N và ông Hồ Văn Đ xác nhận còn nợ bà Lê Thị L số tiền

198.717.500 đồng, từ thời điểm đó cho đến nay bà Đặng Thị N và ông Hồ Văn Đ không trả cho bà Lê Thị L được khoản nợ nào nên hai bên chấm dứt việc mua bán.

Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (21/10/2024) đến ngày giải quyết xong vụ án với lãi suất là 0,83%/tháng, tuy nhiên nay nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

Bà Lê Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú giải quyết buộc bà Đặng Thị N và ông Hồ Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền mua bán còn nợ là 198.717.500 đồng. Bà Lê Thị L không yêu cầu tính lãi. Nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Hồ Văn Đ và bà Đặng Thị N vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L là có căn cứ chấp nhận. Bởi, theo trình bày của nguyên đơn thể hiện khoảng năm 2023, bà Đặng Thị N và ông Hồ Văn Đ có đến cửa hàng thức ăn thủy sản của bà Lê Thị L mua thức ăn và thuốc thủy sản để nuôi tôm. Khi mua bán hai bên thỏa thuận là bà Lê Thị L sẽ cung cấp thức ăn và thuốc thủy sản cho bà Đặng Thị N và ông Hồ Văn Đ theo yêu cầu đặt hàng của bà Đặng Thị N và ông Hồ Văn Đ, việc nuôi tôm để phục vụ nuôi tôm phát triển kinh tế gia đình của bà N và ông Đ. Thỏa thuận cuối vụ thu hoạch tôm thì bà N và ông Đ phải có nghĩa vụ trả tiền thức ăn cho bà L. Tại biên nhận nợ ngày 10/6/2023, bà N có ký tên vào giấy biên nhận thể hiện còn nợ bà L số tiền 198.717.500 đồng, từ thời điểm xác nhận nợ cho đến nay bà N và ông Đ chưa trả tiền cho bà Lê Thị L, nhiều lần bà L yêu cầu bà N và ông Đ thanh toán nợ nhưng cứ hứa hẹn mà không thực hiện. Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng và biên nhận nợ nhưng ông Đ và bà N không có ý kiến. Khi giao kết hợp đồng hai bên đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự đầy đủ, thỏa thuận mua bán không vi phạm điều cấm pháp luật và đạo đức xã hội, do đó, đây là giao dịch hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên. Bà N và ông Đ không thanh toán nợ cho bà L ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L, việc mua bán là phục vụ kinh tế gia đình, khi giao kết hợp đồng bà N và ông Đ là vợ chồng, nên bà L khởi kiện buộc bà Đặng Thị N và ông Hồ Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà 198.717.500 đồng là có căn cứ. Bà Lê Thị L không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết. Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L, buộc bà Đặng Thị N và ông Hồ Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền

mua bán còn nợ là 198.717.500 đồng. Bà Lê Thị L không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L yêu cầu bị đơn ông Hồ Văn Đ và bà Đặng Thị N trả tiền mua bán còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Hồ Văn Đ và bà Đặng Thị N có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị Thùy T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị Thùy T. Đối với bị đơn ông Hồ Văn Đ và bà Đặng Thị N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đồng thời ông Hồ Văn Đ và bà Đặng Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Hồ Văn Đ và bà Đặng Thị N.

[3] Về nội dung tranh chấp: nguyên đơn bà Lê Thị L yêu cầu bị đơn ông Hồ Văn Đ và bà Đặng Thị N có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua bán còn nợ là 198.717.500 đồng, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy khi khởi kiện nguyên đơn có giao nộp cho Tòa án “Biên nhận nợ” ngày 10/6/2023, biên nhận này thể hiện người nợ là bà Đặng Thị N và thể hiện số tiền nợ bà Lê Thị L là 198.717.500 đồng, bà N có ký tên trên “Biên nhận nợ”. Trong quá trình tố tụng, bà Đặng Thị N và ông Hồ Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và đã được tổng đạt các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, đồng thời Tòa án cũng ban hành Thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ để bà Đặng Thị N và ông Hồ Văn Đ trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà Đặng Thị N và ông Hồ Văn Đ không có ý kiến trình bày và vắng không có lý do trong tất cả các lần Tòa án triệu tập, xem như bà Đặng Thị N và ông Hồ Văn Đ đã tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình.

[5] Như vậy, có cơ sở xác định hợp đồng mua bán tài sản giữa bà Lê Thị L với bà Đặng Thị N và ông Hồ Văn Đ được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên đều có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp và được công nhận theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn bà Đặng Thị N và ông Hồ Văn Đ chưa thanh toán cho bà Lê Thị L số tiền mua bán 198.717.500

đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị L. Xét yêu cầu trách nhiệm liên đới trả nợ của nguyên đơn đối với bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Đặng Thị N và ông Hồ Văn Đ có đăng ký kết hôn theo quy định, việc nuôi tôm là để phục vụ kinh tế chung của gia đình. Do đó, buộc bà Đặng Thị N và ông Hồ Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị L số tiền mua bán còn nợ 198.717.500 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[6] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L được chấp nhận nên bà Đặng Thị N và ông Hồ Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Án phí được tính như sau: $198.717.500 \text{ đồng} \times 5\% = 9.935.875 \text{ đồng}$.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27 và 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L đối với bị đơn ông Hồ Văn Đ và bà Đặng Thị N. Buộc ông Hồ Văn Đ và bà Đặng Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị L số tiền mua bán còn nợ là 198.717.500 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu, bảy trăm mười bảy nghìn, năm trăm đồng). Nguyên đơn bà Lê Thị L không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

2.1. Ông Hồ Văn Đ và bà Đặng Thị N có nghĩa vụ liên đới nộp 9.935.875 đồng (Chín triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng).

2.2. Bà Lê Thị L được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.967.938 đồng (Bốn triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn, chín trăm ba mươi tám đồng) theo biên lai thu số 0003640 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Văn Tú